TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh.

Ông Vũ Xuân Trường.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/02/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Nam Định; địa chỉ: Xóm 8, xã D, huyện C, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

- *Bị đơn*: Anh Doãn Văn L, sinh năm 1958; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Nam Định; địa chỉ: Xóm 1, xã E, huyện C, tỉnh Nam Định; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Doãn Văn L tự nguyện tìm hiểu và kết

hôn, đã được UBND thị trấn B, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/4/2008. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, anh L thường xuyên đánh đập chị vô cớ. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh L, chị và anh L không thể chung sống được với nhau nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh L.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Doãn Thị Ngọc Tr; sinh ngày 26/9/2008. Khi ly hôn, chị xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Doãn Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H không còn chung thủy với anh. Vì vậy chị H xin ly hôn anh nhất trí.

Về việc nuôi con: Anh L nhận nuôi con chung vì thấy chị H không đủ điều kiện về tài chính thu nhập thấp nên không thể nuôi con tốt bằng anh.

Về tài sản: Anh chưa đề nghị giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Tr trình bày: Hiện cháu đang sống với mẹ ở xã D, cháu không biết lý do vì sao bố mẹ cháu mâu thuẫn. Khi bố mẹ ly hôn, cháu xin ở với mẹ vì mẹ có điều kiện chăm sóc và cho cháu học tập tốt hơn.

Kết quả xác minh tại xã Giao An thấy: Chị H có nơi ở và công việc ổn định tại xóm 8, xã Giao An. Hiện này cháu Trâm đang ở với chị H và đang học tại Trường Trung học cơ sở D.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Doãn Văn L; giao cháu Doãn Thị Ngọc Tr; sinh ngày 26/9/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh Doãn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên có căn cứ và đủ điều kiện xét xử vắng mặt cả hai đương sự như quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Doãn Văn L kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh L không có hạnh phúc do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, hai bên không có giải pháp hòa giải đoàn tụ, đã sống ly thân từ năm 2010. Nay chị H xin ly hôn, anh L nhất trí nhưng không tham gia hòa giải, mặc dù đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng không có mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh Doãn Văn L.

[3] Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Doãn Thị Ngọc Tr; sinh ngày 26/9/2008. Căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện nuôi con của các đương sự, ý kiến của con chung trên 7 tuổi, kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của chị Nguyễn Thị H; đủ cơ sở giao con chung cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét, điều chỉnh.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Doãn Văn L.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là: Doãn Thị Ngọc Tr; sinh ngày 26/9/2008;

Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị H không yêu cầu anh Doãn Văn L cấp dưỡng nuôi con chung;

Anh Doãn Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000090 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Doãn Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND thị trấn B: 01 bản;
- Các đương sự 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hùng Hạnh Vũ Xuân Trường **Vũ Ngọc Duyên**